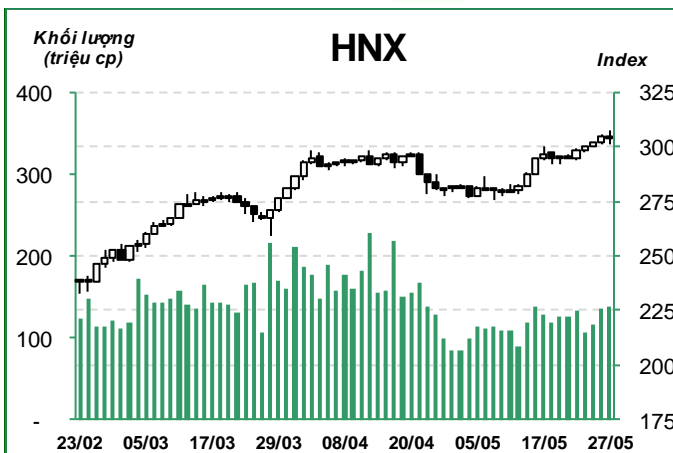
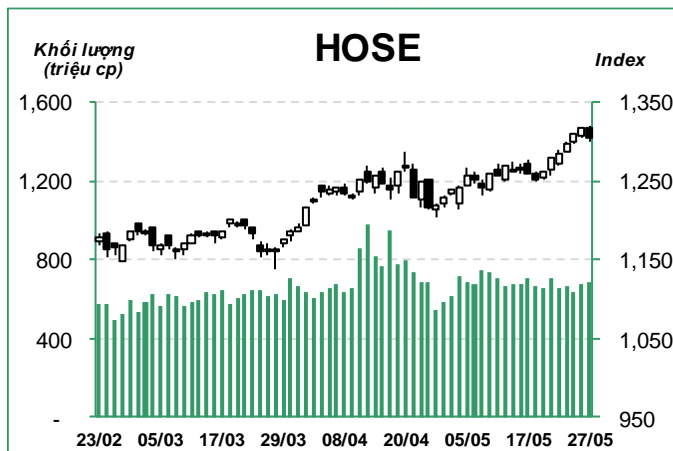


Tổng quan thị trường

27/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,303.57	-1.00%	1,437.38	-1.22%	304.45	-0.14%
Cuối tuần trước	1,283.93	1.53%	1,425.04	0.87%	297.99	2.17%
Trung bình 20 ngày	1,272.04	2.48%	1,384.28	3.84%	291.59	4.41%
Tổng KLGD (triệu cp)	733.00	2.79%	277.40	14.22%	153.58	10.65%
KLGD khớp lệnh	685.09	1.31%	264.79	13.17%	137.92	1.47%
Trung bình 20 ngày	683.41	0.25%	260.60	1.61%	119.93	15.00%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	24,088.25	11.06%	13,748.15	13.26%	3,534.79	13.85%
GTGD khớp lệnh	21,909.76	7.11%	12,954.08	10.92%	3,145.00	3.73%
Trung bình 20 ngày	20,400.45	7.40%	12,211.78	6.08%	2,545.05	23.57%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	101	22%	6	20%	57	15%
Số mã giảm	322	70%	22	73%	146	40%
Số mã đứng giá	34	7%	2	7%	165	45%



Thị trường đảo chiều giảm điểm trở lại trong phiên giao dịch ngày thứ 5 khi một bộ phận các nhà đầu tư trong nước phản ứng bi quan trước những thông tin về đợt bùng phát ổ dịch mới tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đi ngược với động thái bán tháo của nhà đầu tư trong nước, khối ngoại lại tích cực gom hàng giá thấp trong phiên giảm sâu của thị trường với việc mua ròng mạnh trên cả 2 sàn. Sắc đỏ trong phiên hôm nay lan tỏa đến nhiều nhóm ngành nhưng tín hiệu giảm điểm ở các cổ phiếu Bluechips vẫn chưa quá xấu, thậm chí vẫn có nhiều cổ phiếu hút tiền khá mạnh.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa giảm sâu xuống mức 1,303.57 điểm (-1.00%). KLGD khớp lệnh đạt 685.1 triệu cổ phiếu (+1.3%), tương đương 21,910 tỷ đồng giá trị (+7.1%). Độ rộng thị trường nghiêng cho thấy sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 322 mã giảm so với chỉ 101 mã tăng.

Tâm điểm của thị trường đến từ phiên chiều khi VN-Index rơi tự do chỉ trong khoảng thời gian ngắn với áp lực bán gia tăng và lan tỏa mạnh đến hầu hết các nhóm ngành. Tuy nhiên, ở một số nhóm vốn hóa lớn như ngân hàng và BĐS lại có diễn biến tăng giảm đan xen của nhiều cổ phiếu trong nhóm. Cụ thể, các cổ phiếu ngân hàng Vietcombank-VCB (-1.7%), BIDV-BID (-2.7%), Techcombank-TCB (-2.7%) và BĐS với Vingroup-VIC (-1.2%), Vinhomes-VHM (-1.2%) gây áp lực chính. Trong khi đó, ở chiều tăng điểm vẫn xuất hiện những cổ phiếu hút tiền tốt như Novaland-NVL (+1.9%), BĐS Phát Đạt-PDR (+3.6%), Nhà Khang Điền-KDH (+5.1%) ở nhóm BĐS hay Eximbank-EIB (+7.0%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+1.3%), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (+3.1%) ở nhóm ngân hàng.

Khối ngoại mua ròng trên sàn HoSE phiên hôm nay với giá trị 105.4 tỷ đồng (-8.5%). Những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Petrolimex-PLX (+136.0 tỷ), Vinamilk-VNM (+67.1 tỷ) và

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIB	5,413.6	341.36
AGM	9,437.2	297.27
TCB	3,733.0	192.24
HPG	2,391.0	154.25
FPT	1,229.1	125.25
EIB	3,504.0	100.08
E1VFN30	2,350.0	56.96
VCG	1,115.0	53.20
VNM	567.8	51.57
VIC	405.0	48.72
HNX		
IDC	8,726.8	289.79
ABT	2,906.0	77.01
LCS	3,496.0	12.24
VC3	440.0	9.02
NTP	30.0	1.24
PSD	15.0	0.22
SD2	30.2	0.17
WSS	14.4	0.10
PHP	1.0	0.02

Vietcombank-VCB (+44.3 tỷ). Trái lại, Hòa Phát-HPG (-155.6 tỷ), VPBank-VPB (-82.3 tỷ), Ngân hàng Tiên Phong-TPB (-71.5 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu.

Trên sàn HNX, diễn biến có phần tích cực hơn khi lực cầu bắt đáy cuối phiên giúp thu hẹp mức giảm của HNX-Index và chỉ số này đóng cửa ngay dưới tham chiếu tại mức 304.45 điểm (-0.14%). KLGĐ khớp lệnh đạt 137.9 triệu cổ phiếu (+1.5%), tương đương 3,145.0 tỷ đồng giá trị (+3.7%).

Các cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn có diễn biến trái chiều ở nhiều nhóm ngành. Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.7%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.7%) cùng với nhiều cổ phiếu trong nhóm chứng khoán như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-2.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội-SHS (-2.3%), Chứng khoán MB-MBS (-2.4%) lần lượt bị bán tháo giảm điểm. Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Bắc Á-BAB (+3.9%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+9.4%), Thaiholdings-THD (+0.3%) và Nhựa Tiên Phong-NTP (+2.7%) là những cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực đến chỉ số.

Khối ngoại cũng có động thái mua mạnh 159.0 tỷ đồng (+340.9%) trên sàn HNX. Trong đó, bộ đôi Thaiholdings-THD (+132.6 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+51.5 tỷ) tiếp tục được gom mua nhiều nhất, ngoài ra còn có Dầu khí PTSC-PVS (+6.7 tỷ). Trái lại, các cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội-SHS (-29.4 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-5.9 tỷ), CK Châu Á - TBD-APS (-4.2 tỷ) bị bán nhiều bởi khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn đang nằm trong xu hướng tăng, khi chỉ số tiếp tục đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật nhằm kiểm định lại vùng hỗ trợ tâm lý 1,300 điểm, chỉ số có thể sớm quay lại xu hướng tăng chính và hướng lên thử thách ngưỡng 1,360 điểm (Fib 127.2). Thêm vào đó, đường MACD giữ trên Signal duy trì tín hiệu mua, cho thấy các phiên rung lắc kỹ thuật vừa qua có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng điểm, phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính rũ bỏ. Chỉ số có thể sớm quay lại xu hướng chính và hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng, phiên giảm điểm 27/05 có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KMR	6.4	860.2	7.0%
ABS	40.6	140.5	7.0%
EIB	30.7	5,662.5	7.0%
SCS	141.0	55.6	7.0%
VDP	35.4	13.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FUCTVGF2	14.7	0.1	-7.0%
FUCVREIT	12.8	28.4	-6.9%
TN1	49.0	8.3	-6.7%
HVX	4.5	0.5	-6.3%
TCO	12.0	4.8	-6.3%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	67.3	2,582.4	-0.4%
HPG	66.8	1,440.9	-1.5%
STB	29.8	1,402.5	1.0%
MBB	36.5	1,063.4	-2.7%
TCB	51.4	1,023.7	-2.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	29.8	47,101.5	1.0%
VPB	67.3	38,691.9	-0.4%
LPB	26.2	31,002.7	3.1%
MBB	36.5	28,678.8	-2.7%
FLC	11.4	26,071.8	-3.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
QHD	38.5	0.5	10.0%
DNC	60.6	0.1	10.0%
VE3	7.8	3.3	9.9%
HBS	7.8	332.5	9.9%
VDL	19.3	0.1	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	34.3	1.3	-10.0%
HTC	32.0	6.7	-9.9%
ALT	13.0	0.1	-9.7%
SGH	38.0	0.2	-9.3%
SJ1	14.7	0.3	-9.3%

Top 5 giá trị

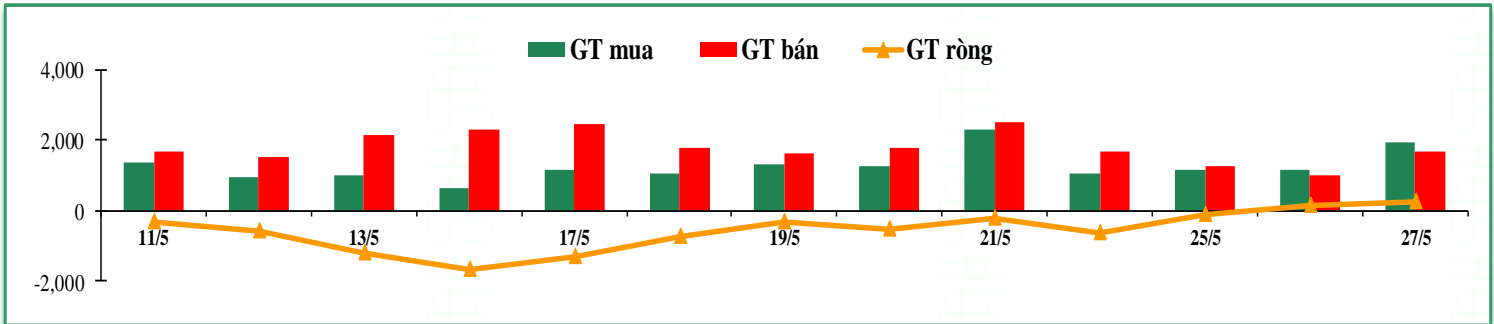
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.5	664.8	-1.7%
IDC	35.6	445.7	0.0%
THD	197.7	428.6	0.3%
SHS	33.5	379.4	-2.3%
NVB	19.8	281.2	9.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.5	22,302.0	-1.7%
NVB	19.8	15,019.2	9.4%
IDC	35.6	13,063.5	0.0%
SHS	33.5	11,269.0	-2.3%
PVS	22.0	10,864.2	-2.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,737.0	7.2%	1,631.6	6.8%	105.4
HNX	214.0	6.1%	55.0	1.6%	159.0
Tổng số	1,951.0		1,686.6		264.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	53.9	139.3	-2.5%
VNM	90.5	134.6	-0.5%
HPG	66.8	131.1	-1.5%
FPT	93.8	116.4	-1.6%
NVL	136.0	100.0	1.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	66.8	286.7	-1.5%
FPT	93.8	116.4	-1.6%
TPB	35.1	107.0	-2.4%
VHM	104.4	106.3	-1.2%
VPB	67.3	82.3	-0.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	53.9	136.0	-2.5%
VNM	90.5	67.1	-0.5%
VCB	98.7	44.3	-1.7%
VRE	30.8	37.0	-1.6%
MSN	110.0	34.3	-3.2%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	197.7	132.7	0.3%
SHB	29.5	51.6	-1.7%
PVS	22.0	6.8	-2.7%
SHS	33.5	4.2	-2.3%
VCS	95.9	4.2	-0.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	33.5	33.6	-2.3%
VND	44.3	6.1	-2.9%
APS	11.1	4.5	1.8%
BSI	16.6	2.7	-3.5%
PAN	24.5	1.8	-1.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	197.7	132.6	0.3%
SHB	29.5	51.5	-1.7%
PVS	22.0	6.7	-2.7%
VCS	95.9	3.8	-0.1%
MAS	35.2	3.0	-2.2%

Tin trong nước

Giao dịch trên liên ngân hàng tiếp tục tăng

Theo báo cáo của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tuần từ ngày 17 – 21/5 bằng VND đạt xấp xỉ 611.849 tỷ đồng, bình quân 122.370 tỷ đồng/ngày, tăng 6.021 tỷ đồng/ngày so với tuần 10 – 14/5.

Như vậy bình quân mỗi ngày, các TCTD vay mượn nhau hơn 156.800 tỷ đồng, tăng gần 5.500 tỷ mỗi ngày so với tuần liền trước.

Theo kỳ hạn, các giao dịch VND chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm (78% tổng doanh số giao dịch) và kỳ hạn 1 tuần (9% tổng doanh số giao dịch). Đối với giao dịch USD, các kỳ hạn có doanh số lớn nhất là kỳ hạn qua đêm và 1 tuần với tỷ trọng lần lượt là 72% và 17%.

Đối với các giao dịch bằng VND, so với tuần trước, lãi suất bình quân liên ngân hàng trong tuần có xu hướng biến động nhẹ so với mức lãi suất tuần trước ở hầu hết các kỳ hạn.

Tuy nhiên sang đến tuần này (tuần bắt đầu từ ngày 24/5), lãi suất liên ngân hàng đang tăng trở lại cùng với nhu cầu vay mượn tiếp tục tăng cao. Mức lãi suất trên 1,2%/năm với các giao dịch liên ngân hàng đang là mức cao nhất trong năm nay và gấp hơn 2 lần mức lãi suất hồi đầu năm.

Fitch nâng dự báo giá thép toàn cầu trong ngắn hạn lên 800 USD/tấn

Fitch Solutions vừa nâng dự báo giá thép toàn cầu trong ngắn hạn lên trung bình 800 USD/tấn, so với mức trước đó là 660 USD/tấn với lý do là sự mất cân đối trong cung - cầu khiến giá vật liệu này sẽ tiếp tục lên cao.

Giá thép bắt đầu tăng mạnh kể từ quý IV/2020 lên mức cao nhất kể từ giữa năm 2008. Kể từ đầu năm đến nay, giá thép trung bình đạt 883 USD/tấn, cao hơn 301 USD so với mức trung bình của năm ngoái.

“Chúng tôi dự đoán đà tăng này bắt đầu ổn định trong nửa sau của năm 2021 nhưng giá thép sẽ không giảm mạnh hay lao dốc. Đó là vì nhu cầu tiêu thụ rất lớn trong khi sản lượng ở mức ổn định”, Fitch Solutions cho hay.

Fitch cho rằng giá thép toàn cầu có xu hướng giảm dần từ mức hiện tại về dài hạn. Sau đợt phục hồi mạnh mẽ trong năm nay, nhu cầu sẽ ổn định dần trong khi sản lượng có thể tiếp tục tăng. Kết quả giá sẽ giảm đáng kể trong năm 2022.

“Theo dự đoán của chúng tôi, giá thép trung bình đạt 600 USD/tấn trong năm tới và 535 USD/tấn trong giai đoạn 2023 – 2025. Sự kết hợp giữa hai yếu tố, gồm tăng trưởng nhu cầu thép tại Trung Quốc chậm lại và chủ nghĩa bảo hộ thị trường thép trên toàn cầu gia tăng, sẽ thúc đẩy sản lượng ở các quốc gia bị ảnh hưởng lên cao, từ đó giúp nới lỏng thị trường và giá thành xuống thấp trong trung hạn”, Fitch nhận định.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Masan (MSN): Thị giá 110.000 đồng/cp, sắp phát hành gần 6 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cp

HĐQT Tập đoàn Masan (MSN) vừa công bố kế hoạch phát hành ESOP. Số lượng chào bán dự kiến hơn 5,85 triệu cổ phần, tương đương 0,498% cổ phiếu đang lưu hành. Giá chào bán 10.000 đồng/cp. Số cổ phần ESOP này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Năm 2021, ban lãnh đạo Masan kỳ vọng doanh thu đạt 92 nghìn tỷ đồng (tăng 19%-32%) và LNST sau lợi ích CĐTS là 2,5 nghìn - 4 nghìn tỷ đồng (tăng 103% -224%).

Hợp ĐHCĐ PV Power: EVN vẫn còn giữ 834 tỷ đồng phần chênh lệch tỷ giá phí công suất dự án Cà Mau

Sáng ngày 27/5, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Power, HoSE: POW) tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Năm 2021, PV Power đặt kế hoạch doanh thu dự kiến 28.403,6 tỷ đồng giảm 6% so với thực hiện năm 2019 và lãi trước thuế 1.548 tỷ đồng, giảm 42%. HĐQT sẽ chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức thực hiện đầu tư dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 theo kế hoạch, tiến độ đề ra. Công ty dự kiến đầu tư dự án LNG ở Quảng Ninh – đây là cụm LNG đầu tiên ở phía Bắc.

Ban lãnh đạo kỳ vọng sẽ giải quyết xong tồn tại về nợ xấu với EVN và công ty sẽ được hoàn nhập các dự phòng mà năm 2020 đã trích.

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, tỷ lệ cổ tức là 2% tương ứng số tiền chi trả gần 468,4 tỷ đồng. Kế hoạch cổ tức năm 2021 cũng là 2%.

Imexpharm chốt quyền chia cổ tức tiền mặt 15%

Dược phẩm Imexpharm (HoSE: IMP) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 15%. Với gần 67 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 100 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 24/6 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 16/7.

Năm ngoái, Imexpharm ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.369 tỷ đồng, giảm 2,4% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 255 tỷ đồng, thực hiện 98% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế tăng 29,1% so với cùng kỳ lên gần 210 tỷ đồng, đạt mức kỷ lục.

Tại thời điểm cuối năm, công ty được có quy mô tổng tài sản gần 2.100 tỷ đồng. Về phần nguồn vốn, 507 tỷ thặng dư vốn cổ phần, 349 tỷ quỹ đầu tư phát triển và 205 tỷ đồng lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2021 với mục tiêu đạt 1.530 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 10,7% so với năm trước. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế 290 tỷ đồng, tăng 13,5% so với năm 2020. Riêng quý I công ty có lãi tăng nhẹ lên 42 tỷ đồng.

Nguồn: NDH, Cafef

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MWG	Bán	28/05/21	142.4	140.9	1.1%	172	22.1%	134.6	-4.5%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TCB	Quan sát mua	28/05/21	51.4	55 58	Tín hiệu điều chỉnh ko quá xấu với nền giảm vol thấp -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 48-49
2	HCM	Quan sát mua	28/05/21	36.3	40	Tín hiệu điều chỉnh ko quá xấu với nền giảm vol thấp -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 34-34.5
3	IDV	Quan sát mua	28/05/21	69.3	80	Nhịp điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ 65-67 với đà giảm yếu dần với vol cạn kiệt + có phiên tăng vol tăng trở lại -> khả năng sớm hồi phục trở lại, vượt 73.5 thành công sẽ bắt đầu nhịp tăng mới

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	93.8	81.5	15.1%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.6	49.9	3.4%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	29.8	24.1	23.7%	30	24%	22.9	-5%	
4	SSI	Mua	13/05/21	39.6	34.8	13.8%	42	21%	33.5	-4%	
5	PVS	Mua	19/05/21	22	21.8	0.9%	24.5	12%	20.5	-6%	
6	VHM	Mua	20/05/21	104.4	100.4	4.0%	110	10%	96.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	HDG	Mua	24/05/21	43.6	41.95	3.9%	47.6	13%	40.3	-4%
8	BVS	Mua	25/05/21	23.7	22.8	3.9%	26	14%	21.3	-7%
9	AGR	Mua	26/05/21	11.45	11.55	-0.9%	13	13%	11	-5%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 27/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,850	-2.5%	243%	82,810	26	93,800	8,775	(75)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,220	-19.6%	181%	21,710	39	93,800	3,245	(975)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,600	-11.1%	260%	19,930	118	32,000	569	(3,031)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	42,000	-5.5%	637%	1,860	34	66,800	40,852	(1,148)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	7,400	-7.9%	605%	10,650	118	66,800	5,059	(2,341)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	27,500	-5.2%	317%	7,970	39	66,800	25,894	(1,606)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,450	-5.6%	245%	10,970	40	66,800	12,449	(1,001)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,450	-4.6%	463%	15,080	39	66,800	7,368	(1,082)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	14,700	-4.6%	390%	19,460	74	66,800	12,491	(2,209)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,190	-7.0%	197%	20,420	92	66,800	8,436	(3,754)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,130	-3.9%	372%	43,610	77	66,800	1,556	(4,574)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,200	-5.2%	417%	36,380	77	66,800	1,539	(4,661)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,020	6.4%	151%	25,390	81	39,000	2,949	(1,071)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,200	6.7%	220%	12,560	118	39,000	1,194	(2,006)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,960	0.2%	113%	9,620	78	39,000	4,021	(1,939)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	20,500	-4.2%	346%	14,820	18	36,500	20,517	17	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	6,790	-14.1%	324%	26,090	40	36,500	5,281	(1,509)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2102	1,200	4,000	3.9%	233%	31,110	77	36,500	244	(3,756)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,320	-10.5%	216%	16,740	118	110,000	601	(2,719)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,190	-10.9%	219%	4,630	118	110,000	251	(2,939)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,600	-7.0%	120%	15,680	78	110,000	3,734	(2,866)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	27,220	-3.6%	127%	2,310	34	142,400	23,296	(3,924)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,220	-14.6%	89%	28,550	14	142,400	3,449	229	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,610	-7.2%	50%	5,390	40	142,400	2,567	(1,043)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	7,750	-7.7%	158%	8,910	67	142,400	4,575	(3,175)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,670	-9.5%	41%	9,510	39	142,400	1,420	(1,250)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,190	-9.9%	283%	10,060	(66)	142,400	(75)	(9,265)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,700	-9.1%	59%	14,870	92	142,400	1,540	(3,160)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,420	3.6%	642%	79,090	15	136,000	7,281	(139)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,400	-10.2%	340%	10,740	118	136,000	3,705	(695)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,550	-6.6%	223%	85,570	123	136,000	636	(2,914)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,890	5.7%	254%	59,230	92	77,500	56	(3,834)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,440	3.7%	304%	67,550	123	77,500	159	(4,281)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,890	-1.7%	70%	9,010	40	101,600	2,402	(488)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,500	-6.6%	175%	11,010	67	101,600	4,383	(1,117)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,790	1.3%	65%	18,180	22	101,600	4,580	(210)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	3,550	-1.1%	54%	22,300	40	59,200	2,828	(722)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,350	-10.3%	114%	13,400	118	19,100	7	(2,343)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	8,750	-0.9%	695%	40,660	15	29,800	8,906	156	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	17,310	-1.5%	356%	9,520	18	29,800	17,813	503	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	6,700	-8.6%	570%	7,950	118	29,800	3,983	(2,717)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	11,000	-5.2%	450%	9,640	8	29,800	11,808	808	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	7,400	-5.7%	429%	29,890	74	29,800	5,939	(1,461)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,990	-0.1%	175%	8,200	92	29,800	7,028	(3,962)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,500	-4.5%	446%	25,890	64	51,400	29,483	(17)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,300	-2.9%	366%	14,000	131	51,400	20,638	(2,662)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,510	-6.5%	270%	35,910	40	51,400	7,742	(768)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,610	-8.0%	231%	22,750	74	51,400	8,027	(1,583)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	6,690	-10.9%	235%	16,060	92	51,400	3,009	(3,681)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,350	-8.6%	47%	24,250	81	22,100	66	(2,284)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,700	-10.0%	170%	12,870	118	22,100	111	(2,589)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,200	-13.3%	16%	5,020	78	22,100	49	(3,151)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,930	-7.2%	61%	26,800	77	22,100	0	(1,930)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2008	1,400	1,650	-15.0%	18%	19,910	15	104,400	1,559	(91)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,700	-5.1%	236%	9,870	118	104,400	221	(3,479)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,970	-13.9%	56%	23,530	40	104,400	1,760	(1,210)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,350	-6.9%	-18%	14,570	8	104,400	1,144	(206)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,250	-18.1%	103%	40,690	74	104,400	733	(2,517)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,000	-2.4%	167%	6,520	78	104,400	349	(3,651)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,900	-5.8%	200%	22,480	77	104,400	10	(3,890)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,750	-6.4%	17%	17,960	15	120,300	1,353	(397)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,390	-11.0%	239%	2,900	118	120,300	128	(3,262)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,000	-7.4%	11%	24,380	8	120,300	2,035	35	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,770	-13.2%	152%	23,040	123	120,300	0	(2,770)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	280	-20.0%	-72%	24,130	15	113,000	100	(180)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	240	-38.5%	-78%	47,940	15	90,500	(0)	(240)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,290	-11.9%	108%	9,140	118	90,500	0	(2,290)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,610	-17.4%	-5%	31,750	40	90,500	0	(1,610)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	600	-47.4%	-65%	42,760	22	90,500	(0)	(600)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,200	-11.4%	116%	11,220	109	90,500	21	(3,179)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,940	-5.4%	76%	49,290	123	90,500	0	(1,940)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,960	-3.6%	631%	440	64	67,300	41,398	438	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,300	-1.3%	428%	5,090	40	67,300	15,193	(107)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	15,500	-3.7%	454%	2,830	8	67,300	15,908	408	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	15,500	-2.5%	474%	18,780	74	67,300	15,479	(21)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,200	-10.7%	228%	10,620	92	67,300	6,188	(2,012)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	350	-20.5%	-77%	35,160	15	30,750	0	(350)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,000	-3.5%	40%	19,230	64	30,750	3,377	(3,623)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,410	-8.0%	101%	11,040	118	30,750	86	(2,324)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,560	-13.3%	-13%	52,960	40	30,750	248	(1,312)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,100	-17.0%	62%	29,930	74	30,750	114	(1,986)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,720	-2.6%	24%	9,180	78	30,750	48	(3,672)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	24,000	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC (New)	HOSE	39,800	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC (New)	HOSE	33,450	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC (New)	UPCOM	35,300	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP (New)	HOSE	72,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG (New)	HOSE	95,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	25,100	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	133,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	HOSE	101,600	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	142,400	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	163,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	110,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	90,500	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	88,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	HOSE	32,350	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL	HOSE	136,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	HOSE	38,100	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	HOSE	39,000	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	98,700	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

ACB		HOSE	38,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	51,400	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	15,800	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM		HOSE	90,500	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD		HOSE	57,900	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG		HOSE	66,800	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	93,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	20,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,700	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	69,400	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
REE		HOSE	59,200	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	53,900	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,100	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
GVR		HOSE	27,850	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,300	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	30,750	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
GAS		HOSE	80,100	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	36,900	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	19,400	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	58,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,100	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	16,950	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
VHM		HOSE	104,400	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
LHG		HOSE	41,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	53,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	84,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,650	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.